

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/DS-ST
Ngày: 14- 12 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Cúc;
2. Ông Nguyễn Văn Thả

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thái Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng góp hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Hồ Kim L**, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 7, ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ 9, ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Lê Văn C**, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ 9, ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2021 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Kim L trình bày:

Bà Nguyễn Thị N làm chủ hội, bà có tham gia các dây hội do bà N làm chủ hội, cụ thể như sau:

Dây hội thứ 1: Hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/01/2020 (AL), hội

gồm 17 phần, bà tham gia 01 phần, đã đóng được 15 kỳ thành tiền 22.360.000 đồng; Dây hụi thứ 2: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 10/01/2020 (AL), hụi gồm 20 phần, bà tham gia 02 phần, đã đóng được 15 kỳ thành tiền 22.260.000 đồng; Dây hụi thứ 3: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 02/3/2020 (AL), hụi gồm 20 phần, bà tham gia 01 phần, đã đóng được 13 kỳ thành tiền 9.860.000 đồng; Dây hụi thứ 4: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/01/2021 (AL), hụi gồm 20 phần, bà tham gia 02 phần, đã đóng hụi được 02 kỳ thành tiền 5.760.000 đồng.

Tổng cộng các dây hụi trên bà đã đóng được tiền gốc là 60.240.000 đồng. Tính luôn phần tiền lãi bà sẽ được hưởng tổng cộng là 81.000.000 đồng.

Các dây hụi trên bà chưa được lĩnh hụi và hụi chưa mãn. Hụi này ngưng hoạt động do bà N bỏ đi, không rõ đi đâu. Việc tham gia hụi bà N không cung cấp danh sách hụi viên, mỗi khi bà đóng tiền hụi thì bà N ghi vào sổ hụi của bà. Mỗi khi đóng tiền hụi thì bà đóng hụi trực tiếp cho bà N, không có giao tiền cho ông C nhưng khi khai hụi có mặt ông C ở nhà.

Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C trả cho bà số tiền hụi là 81.000.000 đồng. Nay, bà yêu cầu bà N, ông C trả cho bà số tiền hụi là 60.240.000 đồng, rút lại phần yêu cầu tiền lãi là 20.760.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại bản tự khai ngày 17/5/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị N, ông không biết việc bà L tham gia hụi của bà N cho đến khi ngưng hụi, bà N bỏ nhà đi ông mới biết. Hàng ngày ông đi làm đánh bắt cá từ 05 giờ sáng đến trưa về nhà và vào vườn chăm sóc vườn cây ăn trái nên không biết việc bà N làm thảo hụi. Mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình do bà N quản lý, bà N bỏ nhà đi đâu ông không rõ. Nay, bà L khởi kiện yêu cầu ông cùng với bà N trả tiền hụi cho bà L thì ông không đồng ý vì số tiền này không liên quan đến ông.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Riêng về thời hạn chuẩn bị xét xử là có vi phạm theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP Ngày 19/02/2019; Nghị quyết

số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Kim L đối với bà Nguyễn Thị N. Buộc bà N có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ hui 60.240.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu ông C có trách nhiệm liên đới cùng bà N trả tiền nợ hui cho bà L.

Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thấy rằng: Bà Nguyễn Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 9, ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh nhưng bà N đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 4/2021 cho đến nay. Trong đơn khởi kiện, người khởi kiện (bà Hồ Kim L) đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú người bị kiện (bà Nguyễn Thị N) nên được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú”. Trong vụ án này, người bị kiện (bà Nguyễn Thị N) thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng góp hui mà không thông báo cho bà Hồ Kim L biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định nên được coi là cố tình giấu địa chỉ, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ, đúng pháp luật. Xác định nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng của bà Nguyễn Thị N là tại Tổ 9, ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Ông Lê Văn C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị N là bị đơn, vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị N, ông Lê Văn C.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Hồ Kim L có tham gia 04 dây hui tháng do bà Nguyễn Thị N làm chủ hui gồm: Hui 2.000.000 đồng/tháng, mở hui ngày 10/01/2020 (AL), gồm 17 phần, bà L tham gia 01 phần, đã đóng hui được 15 kỳ thành tiền 22.360.000 đồng; Hui 1.000.000 đồng/tháng, mở hui ngày 10/01/2020 (AL), hui gồm 20 phần, bà L tham gia 02 phần, đã đóng hui được 15 kỳ thành tiền 22.260.000 đồng; Hui 1.000.000 đồng/tháng, mở hui ngày 02/3/2020 (AL), hui

gồm 20 phần, bà L tham gia 01 phần, đã đóng hội được 13 kỳ thành tiền 9.860.000 đồng; Hội 2.000.000 đồng/tháng, mở hội ngày 10/01/2021 (AL), hội gồm 20 phần, bà L tham gia 02 phần, đã đóng hội được 02 kỳ thành tiền 5.760.000 đồng. Tổng số tiền bà L đã đóng cho bà N là 60.240.000 đồng. Các dây hội này chưa mãn, bà L chưa được lĩnh hội thì bà N bỏ địa phương đi, không rõ đi đâu, làm gì.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Kim L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc bà Nguyễn Thị N có mở các dây hội tháng và bà Hồ Kim L có tham gia các dây hội tháng này là có thật. Khi mở hội, bà N không lập danh sách hội viên cho các hội viên biết nhưng qua xác minh những người có tham gia hội của bà Nguyễn Thị N thấy rằng bà L có tham gia các dây hội của bà N. Khi bà N nhận tiền hội của bà L nói riêng và nhận tiền hội của các hội viên khác thì bà N có ghi vào sổ hội của hội viên, qua xác minh những người cùng tham gia hội với bà L xác định bà L có tham gia hội của bà N và chưa lĩnh hội, khi bà N nhận tiền hội của hội viên (trong đó có bà L) thì bà N ghi ngày tháng năm vào sổ tay của hội viên. Bà L cung cấp cho Tòa án 02 sổ ghi hội do bà N ghi cho bà L. Thể hiện bà L đã đóng tiền hội cho bà N được tổng cộng là 60.240.000 đồng. Căn cứ vào Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để xác định bà L đã đóng tiền hội cho bà N được số tiền 60.240.000 đồng. Đến nay, bà L vẫn chưa được lĩnh hội do bà N ngừng hội và bỏ địa phương đi. Nên yêu cầu của bà L về việc yêu cầu bà N trả số tiền hội 60.240.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Hồ Kim L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, trong đơn khởi kiện bà yêu cầu bà N trả số tiền hội 81.000.000 đồng, nay bà chỉ yêu cầu bà N, ông C trả số tiền hội gốc bà đã đóng là 60.240.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi, việc rút yêu cầu này của bà L là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ xét xử đối phần với yêu cầu tính tiền lãi của bà Hồ Kim L đối với bà Nguyễn Thị N với số tiền là 20.760.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu của bà L về việc yêu cầu ông C (chồng bà N) cùng có trách nhiệm trả số tiền hội là 60.240.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C là vợ chồng, sống cùng nhà với nhau tại ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Tuy nhiên, trong quá trình tham gia các dây hội của bà N, các hội viên trong đó có bà L chỉ tham gia trực tiếp với bà N, không tham gia với ông C, các sổ hội do bà L cung cấp cho Tòa án thể hiện là các chữ viết của bà N ghi cho hội viên khi hội viên đóng hội, ông C không tham gia thu tiền hội, lĩnh hội trong các dây hội của bà N. Mặt khác, bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh được ông C có nhận số tiền hội và cùng với bà L sử dụng tiền hội vào mục đích chung của gia đình và ông C cho rằng ông không biết việc bà L tham gia hội

của bà N đến khi bà N bỏ nhà đi thì ông mới biết và số tiền hui này ông không biết bà N dùng để làm gì vì mọi quản lý chi tiêu do bà N quản lý, nên Hội đồng xét xử xét thấy việc yêu cầu của bà L về việc yêu cầu ông C cùng có trách nhiệm với bà N trả cho bà L số tiền hui là 60.240.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà L được chấp nhận một phần nên bà N phải chịu án phí sơ thẩm tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự; các Điều 144, 147, 244, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Kim L đối với bà Nguyễn Thị N về việc tranh chấp hợp đồng góp hui.

Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Kim L số tiền hui là 60.240.000 (sáu mươi triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng. Ghi nhận bà L không yêu cầu tính tiền lãi.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Kim L về việc yêu cầu ông Lê Văn C cùng có nghĩa vụ trả số tiền 60.240.000 (sáu mươi triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Hồ Kim L cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Nguyễn Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính tiền lãi của bà Hồ Kim L đối với bà Nguyễn Thị N với số tiền là 20.760.000 (hai mươi triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng.

2/ Về án phí:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 3.012.000 (ba triệu không trăm mười hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hồ Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà L số tiền 2.025.000 (hai triệu không trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí

sơ thẩm bà L đã nộp tại biên lai thu số 0001920 ngày 12/4/2021, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Xuân Lan